



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

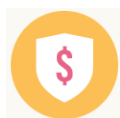
BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG

Linh hoạt cân bằng bảo vệ & tích lũy trọn đời

Số tiền bảo hiểm **1.500.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **24.000.000 đồng/năm**

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO



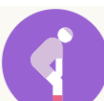
Bảo vệ trọn đời lên đến **100 tuổi**.



Nhận **375.000.000 đồng** khi mắc **ung thư nghiêm trọng**.



Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến **1.500.000.000 đồng** khi bị thương tật do tai nạn.



Nhận tối thiểu **1.500.000.000 đồng** khi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Bệnh giai đoạn cuối hoặc tử vong.

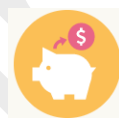


Nhận thêm **225.000.000 đồng** nếu tử vong không hút thuốc lá.



Nhận thêm **1.500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc **3.000.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt.

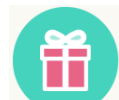
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



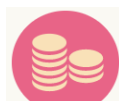
Có thể đầu tư thêm lên đến **120.000.000 đồng/năm** để nhanh chóng đạt mục đích tiết kiệm.



Linh hoạt rút tiền cho các chi tiêu ngắn hạn
Linh hoạt đóng phí từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.



Nhận **khoản thưởng hàng năm từ 12,5% - 15% phí bảo hiểm cơ bản quy năm** được đóng thêm vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 5 trở đi.



Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	Tran Dinh Phu	Nam	29	Văn Phòng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm	Đơn vị: đồng
									<i>Sản phẩm chính</i> Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao
<i>Sản phẩm bổ sung</i> ---Chưa tham gia bảo hiểm bổ sung---									

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ	-	-	-	-
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính	-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Lưu ý:

- Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ hiện thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ, (ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ (nếu có), (iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính sẽ được tính là Phí đóng thêm nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính của Năm hợp đồng hiện hành và tất cả khoản phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có), được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó
- Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính bằng thời hạn bảo hiểm. Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, hợp đồng sẽ được đảm bảo không mất hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm. Việc lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ có thể được thực hiện từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm. Khách hàng cần đóng phí đầy đủ và đúng hạn để duy trì hiệu lực của hợp đồng, nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí và gia tăng giá trị tài khoản hợp đồng (GTTK).
- Sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có tham gia): Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung có thể thay đổi hàng năm theo tuổi của người được bảo hiểm, do đó phí bảo hiểm hàng năm cũng có thể thay đổi. Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung cần được đóng đầy đủ. Nếu khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung thì phần phí này sẽ được rút từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm chính từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi để đóng phí. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung và khách hàng không đóng phí của sản phẩm bổ sung trong thời hạn gia hạn, sản phẩm bổ sung sẽ mất hiệu lực.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN																	
Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Chúng tôi cam kết mức lãi suất tối thiểu đóng thêm vào tài khoản của khách hàng như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm hợp đồng</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6 đến 10</th> <th>11+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td> <td>3,5%</td> <td>3,0%</td> <td>3,0%</td> <td>2,0%</td> <td>2,0%</td> <td>1,5%</td> <td>1,0%</td> </tr> </tbody> </table> Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được chúng tôi công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn. 	Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11+	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11+										
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%										
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn. 																
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	<ul style="list-style-type: none"> Một khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản bắt đầu từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau: <ol style="list-style-type: none"> 12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9. 15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi. Điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng; và Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong Năm hợp đồng nhận thưởng. 																

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)

Bệnh Ung thư	Nhận 375.000.000 đồng khi mắc Ung thư nghiêm trọng.
Thương tật bộ phận do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến 1.500.000.000 đồng .
Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận 100% giá trị tài khoản (bao gồm cả tài khoản cơ bản và tài khoản đóng thêm) cộng với số tiền 1.500.000.000 đồng .
Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Nhận 100% giá trị tài khoản (bao gồm cả tài khoản cơ bản và tài khoản đóng thêm) cộng với số tiền 1.500.000.000 đồng .
Không hút thuốc lá	Nhận thêm 225.000.000 đồng nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.
Tử vong do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm lên đến <ul style="list-style-type: none">1.500.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn; hoặc3.000.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt được quy định chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

HẠN MỨC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Tổng quyền lợi bảo hiểm của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, bao gồm các quyền lợi được hưởng theo sản phẩm này như sau:	<ul style="list-style-type: none">Quyền lợi liên quan đến Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo: tối đa là 10 tỷ đồng.Quyền lợi liên quan đến Tai nạn: tối đa là 10 tỷ đồng. Các hạn mức nêu trên có thể tăng lên tại thời điểm chi trả quyền lợi bảo hiểm.
---	--

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Thay đổi STBH	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi đạt 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thẩm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm
Thay đổi phí bảo hiểm	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm phí bảo hiểm cơ bản kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi nếu đáp ứng các điều kiện quy định của Công ty tại từng thời điểm
Chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none">Kể từ ngày Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi, Khách Hàng có quyền chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm đổi từ Quyền lợi nâng cao sang Quyền lợi cơ bản, với điều kiện Người được bảo hiểm chưa đạt 65 tuổi tại thời điểm yêu cầu chuyển đổi.Khách Hàng có quyền chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm duy nhất một lần trong suốt thời hạn hợp đồng.Việc chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi yêu cầu chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm được Công Ty chấp thuận. Chi phí bảo hiểm rủi ro và các điều kiện khác sẽ được điều chỉnh tương ứng.
Đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi)	Kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi NDBH đạt 65 tuổi khách hàng có thể yêu cầu tăng 25% STBH hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con hoặc nhận con nuôi mà không cần bằng chứng về sức khỏe và tài chính và tối đa 2 lần trong suốt thời hạn hợp đồng. Để được hưởng quyền lợi này, Người được bảo hiểm phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi) được quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.
Rút tiền từ Giá trị tài khoản	<ul style="list-style-type: none">GTTK cơ bản: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.GTTK đóng thêm: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 100% bất kỳ lúc nào.Số tiền rút mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Công Ty quy định tại từng thời điểm và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
Chi phí bảo hiểm rủi ro	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
Chi phí ban đầu	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm đóng phí</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Phí bảo hiểm cơ bản</td> <td>85%</td> <td>80%</td> <td>35%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>Phí đóng thêm</td> <td colspan="4">0%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHĐ)	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm dương lịch</th> <th>2021 - 2024</th> <th>2025 - 2029</th> <th>2030 - 2034</th> <th>Từ năm 2035 trở đi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td> <td>30</td> <td>40</td> <td>50</td> <td>60</td> </tr> </tbody> </table>	Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
Chi phí quản lý quỹ	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
Chi phí hủy bỏ hợp đồng	Không có															
Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản	Không có															
<i>Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận</i>																

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 23

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	8	24.000			20.760	4.380	1.500.000				
2	9	24.000			19.560	3.945	1.500.000				
3	10	24.000			8.760	3.525	1.511.544		11.544		11.544
4	11	24.000			360	3.105	1.532.753		32.753		32.753
5	12	24.000			480	2.955	1.557.416	3.000	57.416		57.416
6	13	24.000			480	3.060	1.582.068	3.000	82.068		82.068
7	14	24.000			480	3.180	1.606.970	3.000	106.970		106.970
8	15	24.000			480	3.405	1.632.018	3.000	132.018		132.018
9	16	24.000			480	3.480	1.657.366	3.000	157.366		157.366
10	17	24.000			600	3.525	1.683.528	3.600	183.528		183.528
11	18	24.000			600	3.705	1.708.875	3.600	208.875		208.875
12	19	24.000			600	3.825	1.734.355	3.600	234.355		234.355
13	20	24.000			600	3.945	1.759.969	3.600	259.969		259.969
14	21	24.000			600	4.065	1.785.718	3.600	285.718		285.718
15	22	24.000			720	4.155	1.811.514	3.600	311.514		311.514
16	23	24.000			720	4.170	1.837.553	3.600	337.553		337.553
17	24	24.000			720	4.200	1.863.822	3.600	363.822		363.822
18	25	24.000			720	4.200	1.890.353	3.600	390.353		390.353
19	26	24.000			720	4.290	1.917.060	3.600	417.060		417.060
20	27	24.000			720	4.305	1.944.018	3.600	444.018		444.018

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	28	24.000			720	4.290	1.971.261	3.600	471.261		471.261
22	29	24.000			720	4.245	1.998.822	3.600	498.822		498.822
23	30	24.000			720	4.215	2.026.688	3.600	526.688		526.688
24	31	24.000			720	4.245	2.054.803	3.600	554.803		554.803
25	32	24.000			720	4.335	2.083.109	3.600	583.109		583.109
26	33	24.000			720	4.560	2.111.472	3.600	611.472		611.472
27	34	24.000			720	4.785	2.139.892	3.600	639.892		639.892
28	35	24.000			720	5.010	2.168.370	3.600	668.370		668.370
29	36	24.000			720	5.220	2.196.921	3.600	696.921		696.921
30	37	24.000			720	5.505	2.225.472	3.600	725.472		725.472
31	38	24.000			720	5.790	2.254.021	3.600	754.021		754.021
32	39	24.000			720	6.120	2.282.524	3.600	782.524		782.524
33	40	24.000			720	6.450	2.310.981	3.600	810.981		810.981
34	41	24.000			720	6.795	2.339.375	3.600	839.375		839.375
35	42	24.000			720	7.200	2.367.646	3.600	867.646		867.646
36	43	24.000			720	7.635	2.395.762	3.600	895.762		895.762
37	44	24.000			720	8.205	2.423.587	3.600	923.587		923.587
38	45	24.000			720	8.745	2.451.146	3.600	951.146		951.146
39	46	24.000			720	9.330	2.478.393	3.600	978.393		978.393
40	47	24.000			720	10.245	2.504.993	3.600	1.004.993		1.004.993

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	48	24.000			720	11.160	2.530.939	3.600	1.030.939		1.030.939
42	49	24.000			720	12.015	2.556.284	3.600	1.056.284		1.056.284
43	50	24.000			720	13.545	2.580.345	3.600	1.080.345		1.080.345
44	51	24.000			720	14.820	2.603.364	3.600	1.103.364		1.103.364
45	52	24.000			720	16.785	2.624.638	3.600	1.124.638		1.124.638
46	53	24.000			720	18.525	2.644.376	3.600	1.144.376		1.144.376
47	54	24.000			720	20.280	2.662.546	3.600	1.162.546		1.162.546
48	55	24.000			720	23.130	2.678.032	3.600	1.178.032		1.178.032
49	56	24.000			720	25.125	2.691.668	3.600	1.191.668		1.191.668
50	57	24.000			720	27.825	2.702.725	3.600	1.202.725		1.202.725
51	58	24.000			720	30.105	2.711.601	3.600	1.211.601		1.211.601
52	59	24.000			720	31.635	2.719.027	3.600	1.219.027		1.219.027
53	60	24.000			720	34.410	2.723.737	3.600	1.223.737		1.223.737
54	61	24.000			720	36.615	2.726.277	3.600	1.226.277		1.226.277
55	62	24.000			720	39.150	2.726.294	3.600	1.226.294		1.226.294
56	63	24.000			720	43.200	2.722.240	3.600	1.222.240		1.222.240
57	64	24.000			720	47.355	2.713.967	3.600	1.213.967		1.213.967
58	65	24.000			720	62.490	2.690.395	3.600	1.190.395		1.190.395
59	66	24.000			720	69.720	2.659.318	3.600	1.159.318		1.159.318
60	67	24.000			720	71.595	2.626.045	3.600	1.126.045		1.126.045

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	68	24.000			720	73.080	2.590.946	3.600	1.090.946		1.090.946
62	69	24.000			720	81.615	2.546.916	3.600	1.046.916		1.046.916
63	70	24.000			720	84.870	2.499.172	3.600	999.172		999.172
64	71	24.000			720	100.830	2.434.904	3.600	934.904		934.904
65	72	24.000			720	109.110	2.361.669	3.600	861.669		861.669
66	73	24.000			720	119.475	2.277.281	3.600	777.281		777.281
67	74	24.000			720	130.890	2.180.572	3.600	680.572		680.572
68	75	24.000			720	106.680	2.107.237	3.600	607.237		607.237
69	76	24.000			720	95.040	2.044.871	3.600	544.871		544.871
70	77	24.000			720	81.045	1.995.953	3.600	495.953		495.953
71	78	24.000			720	86.400	1.941.161	3.600	441.161		441.161
72	79	24.000			720	91.800	1.880.392	3.600	380.392		380.392
73	80	24.000			720	97.260	1.813.526	3.600	313.526		313.526
74	81	24.000			720	102.720	1.740.502	3.600	240.502		240.502
75	82	24.000			720	109.110	1.660.323	3.600	160.323		160.323
76	83	24.000			720	116.025	1.572.390	3.600	72.390		72.390
77	84								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	8	24.000			20.760	4.380	1.500.000				
2	9	24.000			19.560	3.945	1.500.000				
3	10	24.000			8.760	3.525	1.511.854		11.854		11.854
4	11	24.000			360	3.105	1.534.089		34.089		34.089
5	12	24.000			480	2.955	1.560.466	3.000	60.466		60.466
6	13	24.000			480	3.060	1.588.054	3.000	88.054		88.054
7	14	24.000			480	3.180	1.616.898	3.000	116.898		116.898
8	15	24.000			480	3.405	1.646.954	3.000	146.954		146.954
9	16	24.000			480	3.480	1.678.435	3.000	178.435		178.435
10	17	24.000			600	3.525	1.711.921	3.600	211.921		211.921
11	18	24.000			600	3.705	1.746.896	3.600	246.896		246.896
12	19	24.000			600	3.825	1.783.497	3.600	283.497		283.497
13	20	24.000			600	3.945	1.821.804	3.600	321.804		321.804
14	21	24.000			600	4.065	1.861.904	3.600	361.904		361.904
15	22	24.000			720	4.155	1.903.793	3.600	403.793		403.793
16	23	24.000			720	4.170	1.947.762	3.600	447.762		447.762
17	24	24.000			720	4.200	1.993.897	3.600	493.897		493.897
18	25	24.000			720	4.200	2.042.340	3.600	542.340		542.340
19	26	24.000			720	4.290	2.093.112	3.600	593.112		593.112
20	27	24.000			720	4.305	2.146.408	3.600	646.408		646.408

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	28	24.000			720	4.290	2.202.384	3.600	702.384		702.384
22	29	24.000			720	4.245	2.261.204	3.600	761.204		761.204
23	30	24.000			720	4.215	2.322.997	3.600	822.997		822.997
24	31	24.000			720	4.245	2.387.848	3.600	887.848		887.848
25	32	24.000			720	4.335	2.455.850	3.600	955.850		955.850
26	33	24.000			720	4.560	2.527.020	3.600	1.027.020		1.027.020
27	34	24.000			720	4.785	2.601.518	3.600	1.101.518		1.101.518
28	35	24.000			720	5.010	2.679.510	3.600	1.179.510		1.179.510
29	36	24.000			720	5.220	2.761.186	3.600	1.261.186		1.261.186
30	37	24.000			720	5.505	2.846.653	3.600	1.346.653		1.346.653
31	38	24.000			720	5.790	2.936.101	3.600	1.436.101		1.436.101
32	39	24.000			720	6.120	3.029.682	3.600	1.529.682		1.529.682
33	40	24.000			720	6.450	3.127.603	3.600	1.627.603		1.627.603
34	41	24.000			720	6.795	3.230.067	3.600	1.730.067		1.730.067
35	42	24.000			720	7.200	3.337.237	3.600	1.837.237		1.837.237
36	43	24.000			720	7.635	3.449.319	3.600	1.949.319		1.949.319
37	44	24.000			720	8.205	3.566.420	3.600	2.066.420		2.066.420
38	45	24.000			720	8.745	3.688.822	3.600	2.188.822		2.188.822
39	46	24.000			720	9.330	3.816.743	3.600	2.316.743		2.316.743
40	47	24.000			720	10.245	3.950.120	3.600	2.450.120		2.450.120

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	48	24.000			720	11.160	4.089.227	3.600	2.589.227		2.589.227
42	49	24.000			720	12.015	4.234.411	3.600	2.734.411		2.734.411
43	50	24.000			720	13.545	4.385.283	3.600	2.885.283		2.885.283
44	51	24.000			720	14.820	4.542.389	3.600	3.042.389		3.042.389
45	52	24.000			720	16.785	4.705.333	3.600	3.205.333		3.205.333
46	53	24.000			720	18.525	4.874.638	3.600	3.374.638		3.374.638
47	54	24.000			720	20.280	5.050.605	3.600	3.550.605		3.550.605
48	55	24.000			720	23.130	5.232.444	3.600	3.732.444		3.732.444
49	56	24.000			720	25.125	5.421.326	3.600	3.921.326		3.921.326
50	57	24.000			720	27.825	5.616.880	3.600	4.116.880		4.116.880
51	58	24.000			720	30.105	5.819.871	3.600	4.319.871		4.319.871
52	59	24.000			720	31.635	6.031.440	3.600	4.531.440		4.531.440
53	60	24.000			720	34.410	6.250.737	3.600	4.750.737		4.750.737
54	61	24.000			720	36.615	6.478.736	3.600	4.978.736		4.978.736
55	62	24.000			720	39.150	6.715.531	3.600	5.215.531		5.215.531
56	63	24.000			720	43.200	6.960.006	3.600	5.460.006		5.460.006
57	64	24.000			720	47.355	7.212.439	3.600	5.712.439		5.712.439
58	65	24.000			720	62.490	7.461.952	3.600	5.961.952		5.961.952
59	66	24.000			720	69.720	7.716.516	3.600	6.216.516		6.216.516
60	67	24.000			720	71.595	7.981.883	3.600	6.481.883		6.481.883

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	68	24.000			720	73.080	8.258.993	3.600	6.758.993		6.758.993
62	69	24.000			720	81.615	8.541.195	3.600	7.041.195		7.041.195
63	70	24.000			720	84.870	8.834.164	3.600	7.334.164		7.334.164
64	71	24.000			720	100.830	9.125.392	3.600	7.625.392		7.625.392
65	72	24.000			720	109.110	9.422.679	3.600	7.922.679		7.922.679
66	73	24.000			720	119.475	9.724.187	3.600	8.224.187		8.224.187
67	74	24.000			720	130.890	10.029.049	3.600	8.529.049		8.529.049
68	75	24.000			720	106.680	10.374.014	3.600	8.874.014		8.874.014
69	76	24.000			720	95.040	10.748.181	3.600	9.248.181		9.248.181
70	77	24.000			720	81.045	11.155.427	3.600	9.655.427		9.655.427
71	78	24.000			720	86.400	11.577.536	3.600	10.077.536		10.077.536
72	79	24.000			720	91.800	12.015.206	3.600	10.515.206		10.515.206
73	80	24.000			720	97.260	12.469.153	3.600	10.969.153		10.969.153
74	81	24.000			720	102.720	12.940.190	3.600	11.440.190		11.440.190
75	82	24.000			720	109.110	13.428.217	3.600	11.928.217		11.928.217
76	83	24.000			720	116.025	13.933.544	3.600	12.433.544		12.433.544
77	84	24.000			720	123.045	14.456.929	3.600	12.956.929		12.956.929
78	85	24.000			720	130.125	14.999.214	3.600	13.499.214		13.499.214
79	86	24.000			720	142.170	15.556.243	3.600	14.056.243		14.056.243
80	87	24.000			720	160.080	16.122.733	3.600	14.622.733		14.622.733

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
81	88	24.000			720	183.420	16.693.579	3.600	15.193.579		15.193.579
82	89	24.000			720	213.585	17.261.993	3.600	15.761.993		15.761.993
83	90	24.000			720	286.485	17.783.967	3.600	16.283.967		16.283.967
84	91	24.000			720	398.085	18.217.440	3.600	16.717.440		16.717.440
85	92	24.000			720	564.675	18.501.518	3.600	17.001.518		17.001.518
86	93	24.000			720	918.615	18.436.346	3.600	16.936.346		16.936.346
87	94	24.000			720	1.023.825	18.259.877	3.600	16.759.877		16.759.877
88	95	24.000			720	1.135.110	17.960.308	3.600	16.460.308		16.460.308
89	96	24.000			720	1.260.510	17.516.990	3.600	16.016.990		16.016.990
90	97	24.000			720	1.396.710	16.911.644	3.600	15.411.644		15.411.644
91	98	24.000			720	1.544.250	16.124.525	3.600	14.624.525		14.624.525
92	99	24.000			720	1.701.000	15.137.087	3.600	13.637.087		13.637.087
93	-								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	8	24.000			20.760	4.380	1.500.000				
2	9	24.000			19.560	3.945	1.500.000				
3	10	24.000			8.760	3.525	1.512.013		12.013		12.013
4	11	24.000			360	3.105	1.534.597		34.597		34.597
5	12	24.000			480	2.955	1.561.568	3.000	61.568		61.568
6	13	24.000			480	3.060	1.590.048	3.000	90.048		90.048
7	14	24.000			480	3.180	1.620.113	3.000	120.113		120.113
8	15	24.000			480	3.405	1.651.749	3.000	151.749		151.749
9	16	24.000			480	3.480	1.685.207	3.000	185.207		185.207
10	17	24.000			600	3.525	1.721.101	3.600	221.101		221.101
11	18	24.000			600	3.705	1.758.964	3.600	258.964		258.964
12	19	24.000			600	3.825	1.798.974	3.600	298.974		298.974
13	20	24.000			600	3.945	1.841.261	3.600	341.261		341.261
14	21	24.000			600	4.065	1.885.961	3.600	385.961		385.961
15	22	24.000			720	4.155	1.933.127	3.600	433.127		433.127
16	23	24.000			720	4.170	1.983.107	3.600	483.107		483.107
17	24	24.000			720	4.200	2.036.055	3.600	536.055		536.055
18	25	24.000			720	4.200	2.092.180	3.600	592.180		592.180
19	26	24.000			720	4.290	2.151.579	3.600	651.579		651.579
20	27	24.000			720	4.305	2.214.527	3.600	714.527		714.527

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	28	24.000			720	4.290	2.281.268	3.600	781.268		781.268
22	29	24.000			720	4.245	2.352.059	3.600	852.059		852.059
23	30	24.000			720	4.215	2.427.128	3.600	927.128		927.128
24	31	24.000			720	4.245	2.506.671	3.600	1.006.671		1.006.671
25	32	24.000			720	4.335	2.590.893	3.600	1.090.893		1.090.893
26	33	24.000			720	4.560	2.679.937	3.600	1.179.937		1.179.937
27	34	24.000			720	4.785	2.774.091	3.600	1.274.091		1.274.091
28	35	24.000			720	5.010	2.873.662	3.600	1.373.662		1.373.662
29	36	24.000			720	5.220	2.978.990	3.600	1.478.990		1.478.990
30	37	24.000			720	5.505	3.090.344	3.600	1.590.344		1.590.344
31	38	24.000			720	5.790	3.208.085	3.600	1.708.085		1.708.085
32	39	24.000			720	6.120	3.332.550	3.600	1.832.550		1.832.550
33	40	24.000			720	6.450	3.464.142	3.600	1.964.142		1.964.142
34	41	24.000			720	6.795	3.603.273	3.600	2.103.273		2.103.273
35	42	24.000			720	7.200	3.750.334	3.600	2.250.334		2.250.334
36	43	24.000			720	7.635	3.905.770	3.600	2.405.770		2.405.770
37	44	24.000			720	8.205	4.069.944	3.600	2.569.944		2.569.944
38	45	24.000			720	8.745	4.243.411	3.600	2.743.411		2.743.411
39	46	24.000			720	9.330	4.426.682	3.600	2.926.682		2.926.682
40	47	24.000			720	10.245	4.620.005	3.600	3.120.005		3.120.005

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	48	24.000			720	11.160	4.823.982	3.600	3.323.982		3.323.982
42	49	24.000			720	12.015	5.039.316	3.600	3.539.316		3.539.316
43	50	24.000			720	13.545	5.265.990	3.600	3.765.990		3.765.990
44	51	24.000			720	14.820	5.504.949	3.600	4.004.949		4.004.949
45	52	24.000			720	16.785	5.756.217	3.600	4.256.217		4.256.217
46	53	24.000			720	18.525	6.020.766	3.600	4.520.766		4.520.766
47	54	24.000			720	20.280	6.299.375	3.600	4.799.375		4.799.375
48	55	24.000			720	23.130	6.591.759	3.600	5.091.759		5.091.759
49	56	24.000			720	25.125	6.899.627	3.600	5.399.627		5.399.627
50	57	24.000			720	27.825	7.223.181	3.600	5.723.181		5.723.181
51	58	24.000			720	30.105	7.563.794	3.600	6.063.794		6.063.794
52	59	24.000			720	31.635	7.923.264	3.600	6.423.264		6.423.264
53	60	24.000			720	34.410	8.301.438	3.600	6.801.438		6.801.438
54	61	24.000			720	36.615	8.700.027	3.600	7.200.027		7.200.027
55	62	24.000			720	39.150	9.119.914	3.600	7.619.914		7.619.914
56	63	24.000			720	43.200	9.560.815	3.600	8.060.815		8.060.815
57	64	24.000			720	47.355	10.023.880	3.600	8.523.880		8.523.880
58	65	24.000			720	62.490	10.499.107	3.600	8.999.107		8.999.107
59	66	24.000			720	69.720	10.995.384	3.600	9.495.384		9.495.384
60	67	24.000			720	71.595	11.519.503	3.600	10.019.503		10.019.503

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	68	24.000			720	73.080	12.073.536	3.600	10.573.536		10.573.536
62	69	24.000			720	81.615	12.652.001	3.600	11.152.001		11.152.001
63	70	24.000			720	84.870	13.261.814	3.600	11.761.814		11.761.814
64	71	24.000			720	100.830	13.891.742	3.600	12.391.742		12.391.742
65	72	24.000			720	109.110	14.550.919	3.600	13.050.919		13.050.919
66	73	24.000			720	119.475	15.238.947	3.600	13.738.947		13.738.947
67	74	24.000			720	130.890	15.956.475	3.600	14.456.475		14.456.475
68	75	24.000			720	106.680	16.742.044	3.600	15.242.044		15.242.044
69	76	24.000			720	95.040	17.586.762	3.600	16.086.762		16.086.762
70	77	24.000			720	81.045	18.496.609	3.600	16.996.609		16.996.609
71	78	24.000			720	86.400	19.455.519	3.600	17.955.519		17.955.519
72	79	24.000			720	91.800	20.466.390	3.600	18.966.390		18.966.390
73	80	24.000			720	97.260	21.532.278	3.600	20.032.278		20.032.278
74	81	24.000			720	102.720	22.656.483	3.600	21.156.483		21.156.483
75	82	24.000			720	109.110	23.841.544	3.600	22.341.544		22.341.544
76	83	24.000			720	116.025	25.090.571	3.600	23.590.571		23.590.571
77	84	24.000			720	123.045	26.407.294	3.600	24.907.294		24.907.294
78	85	24.000			720	130.125	27.795.712	3.600	26.295.712		26.295.712
79	86	24.000			720	142.170	29.255.002	3.600	27.755.002		27.755.002
80	87	24.000			720	160.080	30.783.363	3.600	29.283.363		29.283.363

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
81	88	24.000			720	183.420	32.379.333	3.600	30.879.333		30.879.333
82	89	24.000			720	213.585	34.039.925	3.600	32.539.925		32.539.925
83	90	24.000			720	286.485	35.724.905	3.600	34.224.905		34.224.905
84	91	24.000			720	398.085	37.395.788	3.600	35.895.788		35.895.788
85	92	24.000			720	564.675	38.994.969	3.600	37.494.969		37.494.969
86	93	24.000			720	918.615	40.324.759	3.600	38.824.759		38.824.759
87	94	24.000			720	1.023.825	41.625.739	3.600	40.125.739		40.125.739
88	95	24.000			720	1.135.110	42.889.907	3.600	41.389.907		41.389.907
89	96	24.000			720	1.260.510	44.100.486	3.600	42.600.486		42.600.486
90	97	24.000			720	1.396.710	45.243.113	3.600	43.743.113		43.743.113
91	98	24.000			720	1.544.250	46.302.006	3.600	44.802.006		44.802.006
92	99	24.000			720	1.701.000	47.262.632	3.600	45.762.632		45.762.632
93	-								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



Lưu ý chung:

1. Giá trị tài khoản đóng thêm, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì đóng phí được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
2. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.
3. Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.
4. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.
5. Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.
6. Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 22 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất đóng thêm vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu trong những năm hợp đồng đầu tiên lần lượt là 3,5%/năm; 3,0%/năm; 3,0%/năm; 2,0%/năm; 2,0%/năm; từ năm 6 đến năm 10 là 1,5%/năm; và bằng 1,0%/năm từ năm hợp đồng thứ 11 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chi mang tính tham khảo.
- Tham gia Hợp đồng **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi phí bảo hiểm cơ bản sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 23 | 23

Phiên bản

Dãy số kiểm tra